

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107/2020/QĐST-HNGĐ

Mỹ Đức, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Hoàng Kim T**, sinh năm 1990.

- *Bị đơn*: Chị **Phạm Thị Thu P**, sinh năm 1989.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, thôn Hạ, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Kim T và chị Phạm Thị Thu P.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hoàng Kim T và chị Phạm Thị Thu P thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung: Hoàng Quốc T, sinh ngày 03/01/2011 và Hoàng Thùy L, sinh ngày 26/8/2012. Vợ chồng thỏa thuận sau ly hôn giao cháu T và cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người nuôi con và trợ cấp nuôi con chung.

Anh Hoàng Kim T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản, công nợ chung vợ chồng*: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4 *Về án phí*: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Thu P tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp chị P được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002755 ngày 13/5/2020 tại Cơ quan thi hành án huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã Phù Lưu Tế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Hồng**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).